

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Hưng
2. Bà Hà Thị Lan

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Thành Công - Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 172/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/05/2023 về việc: “Tranh chấp hôn nhân gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 31/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị U, sinh năm 1999.

HKTT tại: Xóm D, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Vũ Đình T, sinh năm 1997.

HKTT tại: Xóm D, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(Chị U có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Dương Thị U trình bày: Tôi với anh Vũ Đình T kết hôn với nhau vào năm 2018 trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, tôi với anh T ở chung với gia đình nhà chồng. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng tháng 6 năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn trầm

trọng vào khoảng đầu năm 2022 là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp cách sống của nhau. Mặc dù có được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không được. Cũng trong khoảng đầu năm 2022 hai vợ chồng sống ly thân, tôi bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống kể từ đó đến nay không ai qua thăm đến ai. Đến nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Vũ Thị D, Sinh ngày 04/2/2019. Khi ly hôn tôi và anh T đã tự thỏa thuận anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Vũ Thị D, Sinh ngày 04/2/2019 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp tôi và anh T có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác. Tôi được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung tôi và anh T cũng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Về phía bị đơn: Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Vũ Đình T đến Tòa án để làm việc. Tuy nhiên anh T không đến Tòa án. Theo đơn đề nghị xác minh của chị Dương Thị U. Tòa án đã tiến hành làm việc và xác minh tại địa phương đối với anh T. Căn cứ vào biên bản làm việc và biên bản xác minh với nội dung như sau:

Tại biên bản làm việc với Công an xã K và được Công an xã K cung cấp anh Vũ Đình T có hộ khẩu thường trú tại xóm D, xã K, huyện Đa, tỉnh Thái Nguyên, là con trai của ông Vũ Đình K và bà Lê thị N. Công an xã K xác định anh T không có mặt ở địa phương và hiện đang đi làm ăn ở xa và không rõ địa chỉ cụ thể ở đâu do anh T không trình báo tạm trú, tạm vắng với phía công an xã.

Tại biên bản xác minh tại gia đình anh Vũ Đình T được bố mẹ đẻ anh T là ông Vũ Đình K và bà Lê Thị N cung cấp thông tin như sau: Anh T đi làm ăn xa và chúng tôi cũng không biết địa chỉ cụ thể, anh T không liên lạc về gia đình khoảng cuối năm 2022. Gia đình có nhận được giấy triệu tập và giấy tờ khác mà Tòa án gửi. Tuy nhiên gia đình không biết địa chỉ cụ thể và thông tin liên lạc của T nên không thể thông tin cho anh T được. Trong trường hợp vợ chồng anh T ly hôn chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh T và Chị U có 01 con chung là cháu Vũ Thị D, sinh ngày 04/02/2019. Trong trường hợp ly hôn thì cháu D sẽ ở với anh T và ông bà nội. Về tài sản chung, nợ chung: Do anh T và chị U sống cùng bố mẹ nên không có tài sản chung, không có tài sản riêng và cũng không vay nợ ai. Cuộc sống hàng ngày bố mẹ vẫn phải hỗ trợ nuôi ăn ở.

Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn anh Vũ Đình T không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được do vậy phải đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Nguyên đơn chị Dương Thị U vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Vũ Đình T vắng mặt tại phiên Tòa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Dương Thị U được ly hôn Anh Vũ Đình T.

+ Về con chung: Giao con chung Vũ Thị D, sinh ngày 04/2/2019 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét. Về quyền thăm nom con chung: Chị U được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Về án phí: Chị U phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, ý kiến quan điểm của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình trang chấp về Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Vũ Đình T có hộ khẩu thường trú tại xóm D, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nên việc Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự có mặt của đương sự: Đối với nguyên đơn chị Dương Thị U đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Vũ Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Vũ Đình T.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Dương Thị U và anh Vũ Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục

địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 6 năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng vào khoảng đầu năm 2022. Chị U xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp cách sống của nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị U và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị U là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị của chị U, cho chị Dương Thị U được ly hôn anh Vũ Đình T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị U và bố mẹ đẻ anh T là ông Vũ Đình K và bà Lê Thị N xác định vợ chồng anh T, chị U có 01 con chung là cháu Vũ Thị D, sinh ngày 04/2/2019. Trước đó chị U và anh T đã tự thỏa thuận giao con chung là cháu D cho anh T được trực nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh kinh tế của chị U và anh T thì cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu xem xét nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị U, anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị U, cho chị U được ly hôn anh Vũ Đình T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Thị D cho anh T được trực nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Chị U được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. HĐXX không xem xét.

4. Về án phí. Chị U phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004363 ngày 05/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị U, anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã K;
- Lưu hồ sơ + VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Kao Hoàng